

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI

1. TỘI XUẤT TINH

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỷ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

HÌNH PHẠT *MĀNATTA* CỦA TỘI KHÔNG CÓ CHE GIẤU

2. – Nay các Tỷ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỷ-khuru Udāyi. Và nay các Tỷ-khuru, nên ban cho như vậy:

Nay các Tỷ-khuru, Tỷ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở bàn chân các Tỷ-khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, lần thứ ba tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.”

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỷ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỷ-khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đã được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Đứt hình phạt *Mānatta* của tội không có che giấu.

VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI KHÔNG CÓ CHE GIẤU

1. Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Và nay các Tỳ-khuru, nên giải tội như vậy: Nay các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở bàn chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội lần thứ nhì.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội lần thứ ba.”

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tỳ-khuru Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt việc giải tội của tội không có che giấu.

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY

1. Vào lúc bảy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã kê lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho như vậy:

Này các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở bàn chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đã được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hình phạt *Parivāsa* của tội che giấu một ngày.

HÌNH PHẠT *MĀNATTA* CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY

1. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn thành hình phạt *Parivāsa*, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho như vậy:

Nay các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở bàn chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn thành hình phạt *Parivāsa*, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hình phạt *Parivāsa*, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hình phạt *Parivāsa*, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hình phạt *Mānatta* của tội che giấu một ngày.

VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY

1. Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Và nay các Tỳ-khuru, nên giải tội như vậy:

Này các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở bàn chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời

điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khuru Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt việc giải tội của tội che giấu một ngày.

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* CỦA TỘI CHE GIẤU NĂM NGÀY

1. Vào lúc bảy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu hai ngày. ...(nt)... đã được che giấu ba ngày. ...(nt)... đã được che giấu bốn ngày. ...(nt)... Vào lúc bảy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho như vậy:

Nay các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở bàn chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

3. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hình phạt *Parivāsa* của tội che giấu năm ngày.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ HÀNH *PARIVĀSA*

1. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Và nay các Tỳ-khuru, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vậy:

Này các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

3. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào đồng ý việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của vị hành *Parivāsa*.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG HÌNH PHẠT *MĀNATTA*

1. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Và nay các Tỳ-khuru, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vậy:

Này các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở bàn chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu

của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào đồng ý việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

**Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu
của vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*.**

HÌNH PHẠT *MĀNATTA* CỦA NHÓM BA TỘI

1. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khuru Udāyi. Và này các Tỳ-khuru, nên ban cho như vậy:

Này các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở bàn chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

3. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hình phạt *Mānatta* của nhóm ba tội.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ THỰC HÀNH *MĀNATTA*

1. Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm. Và này các Tỳ-khuru, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vậy:

Này các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở bàn chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại và nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày

của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội.

Hội chúng đã cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

3. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khuru Udāyi. Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức

nào đồng ý việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... của Tỳ-khuru Udāyi, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

4. Và này các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm như vậy:

Này các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Hội chúng đã đưa tôi đây ...(nt)... về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... Tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. ...(nt)... Hội chúng đã đưa tôi đây ...(nt)... về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... Tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. ...(nt)... Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt).

Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt).

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này ...(nt). thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm ...(nt)... Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho Tỳ-khuru Udāyi ...(nt)... hình phạt *Mānatta* sáu đêm ...(nt)... Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. ...(nt)... Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm ...(nt)... đến Tỳ-khuru Udāyi. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị thực hành *Mānatta*.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG SỰ GIẢI TỘI

1. Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm. Và này các Tỳ-khuru, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vậy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Mānatta* như vậy: ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đã được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của vị xứng đáng sự giải tội.

VIỆC GIẢI TỘI CỦA VỊ ĐƯỢC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU

1. Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Tôi đây có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Và này các Tỳ-khuru, nên giải tội như vậy: Này các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây.

Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố

ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dầu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dầu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dầu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây.

Lúc đang thực hành *Mānatta*, dầu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dầu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây, dầu còn dở dang.

Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dầu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dầu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây, dầu còn dở dang. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi.

Lúc đang hành *Parivāsa*, dầu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa Tỳ-khuru Udāyi, dầu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khuru Udāyi.

Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Vị ấy có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khuru Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Việc giải tội của vị được đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* CỦA TỘI CHE GIẤU NỬA THÁNG

1. Vào lúc bảy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khuru Udāyi. Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho như vậy: Nay các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đã được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Hình phạt *Parivāsa* của tội che giấu nửa tháng.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ HÀNH *PARIVĀSA* NỬA THÁNG

1. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây. Và nay các Tỳ-khuru, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vậy: Nay các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở bàn chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

3. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khuru Udāyi. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng,

hội chúng nên cho Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khuru Udāyi. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu ở vào giai đoạn nửa chừng, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đại đức nào đồng ý việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày của Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

**Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu
của vị hành *Parivāsa* nửa tháng.**

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* KẾT HỢP

1. Và này các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vậy: Này các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây.

Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng

hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khuru Udāyi. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đây là lời đề nghị.

3. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khuru Udāyi. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi, dấu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hình phạt *Parivāsa* kết hợp.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU V.V... CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG HÌNH PHẠT *Mānatta*

1. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dấu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dấu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khuru Udāyi, dấu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây.

Và nay các Tỳ-khuru, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vậy: ...(nt).

Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vậy: ...(nt).

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

3. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. ...(nt)... Hội chúng đưa Tỳ-khuru Udāyi, dấu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây. Đại đức nào đồng ý ...(nt)... xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi, dấu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

**Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, v.v...
của vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*.**

HÌNH PHẠT *MĀNATTA* CỦA NHÓM BA TỘI

1. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội, ...(nt)... đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng ...(nt)... đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dầu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dầu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dầu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dầu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp ...(nt)... của một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khuru Udāyi. Và này các Tỳ-khuru, nên ban cho như vậy: Này các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu

đêm của ba tội đến Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hình phạt *Parivāsa* của nhóm ba tội.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU V.V... CỦA VỊ THỰC HÀNH *MĀNATTA*

1. Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây, [sau đó] ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm.

2. Và nay các Tỳ-khuru, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vậy: ...(nt)... Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vậy: ...(nt)... Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm như vậy: ...(nt)... Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm đến Tỳ-khuru Udāyi. ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã che giấu năm ngày, được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt các việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, v.v... của vị thực hành *Mānatta*.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU V.V... CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG SỰ GIẢI TỘI

1. Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kê lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây, [sau đó] ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm. Và nay các Tỳ-khuru, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vậy: ...(nt)... Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vậy: ...(nt)... Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm như vậy: ...(nt)... Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm đến Tỳ-khuru Udāyi. ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã che giấu năm ngày được hội chúng ban cho Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

**Dứt các việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, v.v...
của vị xứng đáng sự giải tội.**

VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI CHE GIẤU NỬA THÁNG

1. Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kê lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Tôi đây có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi.

2. Và nay các Tỳ-khuru, nên giải tội như vậy: Nay các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở bàn chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng

của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây.

Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang.

Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây.

Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.

Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang.

Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.

Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt).

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khuru Udāyi.

Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.

Hội chúng đã đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang.

Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước

đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khuru Udāyi.

Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang.

Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Vị ấy có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải

tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khuru Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt việc giải tội của tội che giấu nửa tháng.

Tội xuất tinh được đầy đủ.

--ooOoo--

2. HÌNH PHẠT *PARIVĀSA*

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* KẾT HỢP VỚI GIÁ TRỊ CỦA TỘI

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, một tội đã được che giấu hai ngày, một tội đã được che giấu ba ngày, một tội đã được che giấu bốn ngày, một tội đã được che giấu năm ngày, một tội đã được che giấu sáu ngày, một tội đã được che giấu bảy ngày, một tội đã được che giấu tám ngày, một tội đã được che giấu chín ngày, một tội đã được che giấu mười ngày.

2. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... một tội đã được che giấu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, nên hội chúng hãy ban cho vị Tỳ-khuru ấy hình phạt *Parivāsa*, kết hợp với giá trị của tội nào đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy. Và này các Tỳ-khuru, nên ban cho như vậy: Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... một tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu mười ngày, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội ấy.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khuru này tên [như vậy], đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày,

...(nt)... một tội đã được che giấu mười ngày. Tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu mười ngày, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày, trong số các tội ấy đến Tỳ-khuru tên [như vậy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khuru này tên [như vậy], đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... một tội đã được che giấu mười ngày. Tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu mười ngày, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày, trong số các tội ấy đến Tỳ-khuru tên [như vậy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày, trong số các tội ấy đến Tỳ-khuru tên [như vậy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày, trong số các tội ấy đến Tỳ-khuru tên [như vậy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội.

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* KẾT HỢP VỚI GIÁ TRỊ CỦA TỘI CHE GIẤU DÀI NGÀY

1. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, hai tội đã được che giấu hai ngày, ba tội đã được che giấu ba ngày, bốn tội đã được che giấu bốn ngày, năm tội đã được che giấu năm ngày, sáu tội đã được che giấu sáu ngày, bảy tội đã được che giấu bảy ngày, tám tội đã được che giấu tám ngày, chín tội đã được che giấu chín ngày, mười tội đã được che giấu mười ngày.

2. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... mười tội đã được che giấu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy nên hội chúng hãy ban cho vị Tỳ-khuru ấy hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội nào đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy. Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho như vậy: Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... mười tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội ấy.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khuru này tên [như vậy], đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... mười tội đã được che giấu mười ngày. Những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khuru tên [như vậy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khuru này tên [như vậy], đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... mười tội đã được che giấu mười ngày. Những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội ấy.

Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khuru tên [như vậy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khuru tên [như vậy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khuru tên [như vậy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội che giấu dài ngày.

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* HAI THÁNG

1. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã che giấu hai tháng?” Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội

chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: ‘Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?’”

2. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?” Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?”

Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?” Vậy tôi nên thực hành như thế nào?

3. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị Tỳ-khuru ấy. Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho như vậy: Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở bàn chân các Tỳ-khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hóm, chấp tay lại và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã

ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?’ Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng.

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

4. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khuru này tên [như vậy], đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng.

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khuru tên [như vậy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khuru này tên [như vậy], đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa*

hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hủ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hủ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vậy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vậy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vậy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Này các Tỳ-khưu, vì lý do ấy, vị Tỳ-khưu ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

CÁCH THỨC NÊN HÀNH *PARIVĀSA* HAI THÁNG

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy khởi ý như vậy: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hủ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây.

Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: ‘Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?’” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khuru, vì lý do ấy, vị Tỳ-khuru ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

2. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tội vị ấy nhận biết, một tội vị ấy không nhận biết. Tội mà vị ấy nhận biết, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, vị ấy nhận biết được tội kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tội ta đã nhận biết, một tội ta đã không nhận biết. Tội mà ta đã nhận biết, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, ta đây nhận biết được luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khuru, vì lý do ấy, vị Tỳ-khuru ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

3. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tội vị ấy nhớ, một tội vị ấy không nhớ. Tội mà vị ấy nhớ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc đang hành *Parivāsa*, vị ấy nhớ được luôn cả tội kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tội ta đã nhớ, một tội ta đã không nhớ. Tội mà ta đã nhớ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, ta đây nhớ được luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?”

Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khuru, vì lý do ấy, vị Tỳ-khuru ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

4. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tội không nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không nghi ngờ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc đang hành *Parivāsa*, vị ấy không còn nghi ngờ luôn cả tội kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tội không nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không nghi ngờ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, ta đây không còn nghi ngờ luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?”

Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Nay các Tỳ-khuru, vì lý do ấy, vị Tỳ-khuru ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

5. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có nhận biết, một tội đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc vị ấy đang hành *Parivāsa*, có vị Tỳ-khuru khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy: “Nay các Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khuru này hành *Parivāsa*?”

Các vị ấy nói như vậy: “Nay Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có nhận biết, một tội đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khuru này hành *Parivāsa* vì các tội ấy.”

Vị ấy nói như vậy: “Nay các Đại đức, tội nào đã được che giấu có nhận biết, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các Đại đức, còn tội nào đã được che giấu không nhận biết, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các Đại đức, vị Tỳ-khuru xứng đáng hình phạt *Mānatta* đối với một tội.”

6. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có ghi nhớ, một tội đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc vị ấy đang hành *Parivāsa*, có vị Tỳ-khuru khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy: “Này các Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khuru này hành *Parivāsa*?”

Các vị ấy nói như vậy: “Này Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có ghi nhớ, một tội đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khuru này hành *Parivāsa* vì các tội ấy.”

Vị ấy nói như vậy: “Này các Đại đức, tội nào đã được che giấu có ghi nhớ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các Đại đức, còn tội nào đã được che giấu không ghi nhớ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các Đại đức, vị Tỳ-khuru xứng đáng hình phạt *Mānatta* đối với một tội.”

7. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu không nghi ngờ, một tội đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc vị ấy đang hành *Parivāsa*, có vị Tỳ-khuru khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy: “Này các Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khuru này hành *Parivāsa*?”

Các vị ấy nói như vậy: “Này Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu không nghi ngờ, một tội đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khuru này hành *Parivāsa* vì các tội ấy.”

Vị ấy nói như vậy: “Này các Đại đức, tội nào đã được che giấu không nghi ngờ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tội nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khuru xứng đáng hình phạt *Mānatta* đối với một tội.”

8. Này các Tỳ-khuru, có vị Tỳ-khuru nọ, đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?”

Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hủi đã xuất hiện ở vị ấy: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hủi đã xuất hiện ở tôi đây: ‘Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’”

Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khuru rằng:

“Này các Đại đức, tôi đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hủi đã xuất hiện ở tôi đây: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hủi đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’ Vậy tôi nên thực hành như thế nào?”

9. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị Tỳ-khuru ấy. Và nay các Tỳ-khuru, nên ban cho như vậy: Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’ Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

10. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khuru này tên [như vậy], đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy thỉnh cầu hội

chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khuru tên [như vậy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khuru này tên [như vậy], đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng? Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng.

Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khuru tên [như vậy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khuru tên [như vậy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khuru tên [như vậy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Này các Tỳ-khuru, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khuru ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

11. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy:

“Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: ‘Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?’” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khuru, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khuru ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

12. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tháng vị ấy nhận biết, tháng kia vị ấy không nhận biết. Tháng mà vị ấy nhận biết, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* tháng ấy, là tháng vị ấy nhận biết của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, vị ấy nhận biết luôn cả tháng kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tháng ta đã nhận biết, tháng kia ta đã không nhận biết. Tháng mà ta đã nhận biết, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng.

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* tháng ấy, là tháng ta đã nhận biết của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, ta đây nhận biết luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khuru, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khuru ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

13. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tháng vị ấy nhớ, tháng kia vị ấy không nhớ. Tháng mà vị ấy nhớ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* tháng ấy, là tháng vị ấy nhớ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, vị ấy nhớ được tháng kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tháng ta đã nhớ, tháng kia ta đã không nhớ. Tháng mà ta đã nhớ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng

hình phạt *Parivāsa* tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* tháng ấy, là tháng ta đã nhớ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, ta đây nhớ được luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khuru, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khuru ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

14. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tháng không nghi ngờ, một tháng có nghi ngờ. Tháng mà không nghi ngờ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* tháng ấy, là tháng không nghi ngờ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, vị ấy không còn nghi ngờ luôn cả tháng kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tháng không nghi ngờ, một tháng có nghi ngờ. Tháng mà không nghi ngờ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* tháng ấy, là tháng không nghi ngờ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, ta đây không còn nghi ngờ luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?”

Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khuru, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khuru ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

15. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có nhận biết, một tháng đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc vị ấy đang hành *Parivāsa*, có vị Tỳ-khuru khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy: “Này các Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khuru này hành *Parivāsa*?”

Các vị ấy nói như vậy: “Này Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có nhận biết, một tháng đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khuru này hành *Parivāsa* vì các tội ấy.”

Vị ấy nói như vậy: “Này các Đại đức, tháng nào đã được che giấu có nhận biết, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tháng nào đã được che giấu không nhận biết, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khuru là xứng đáng hình phạt *Mānatta* đối với tội một tháng.”

16. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc vị ấy đang hành *Parivāsa*, có vị Tỳ-khuru khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy:

“Này các Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khuru này hành *Parivāsa*?” Các vị ấy nói như vậy: “Này Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khuru này hành *Parivāsa* vì các tội ấy.” Vị ấy nói như vậy: “Này các Đại đức, tháng nào đã được che giấu có ghi nhớ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tháng nào đã được che giấu không ghi nhớ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khuru là xứng đáng hình phạt *Mānatta* đối với tội một tháng.”

17. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu không nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc vị ấy

đang hành *Parivāsa*, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy: “Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa*?” Các vị ấy nói như vậy: “Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội *Saṅghādisesa*, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu không nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa* vì các tội ấy.” Vị ấy nói như vậy: “Này các Đại đức, tháng nào đã được che giấu không nghi ngờ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tháng nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt *Mānatta* đối với tội một tháng.”

Dứt cách thức nên hành *Parivāsa* hai tháng.

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* TỪ MỘC TRONG SẠCH

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Tôi không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* từ mộc trong sạch¹ của các tội ấy đến vị Tỳ-khưu ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vậy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vậy:

¹ Hình phạt *Parivāsa* từ mộc trong sạch: Bản dịch Anh ngữ của Rhys Davids và Oldenberg ghi lời giải thích của ngài Buddhaghosa là số lượng đêm thực hành *suddhantaparivāsa* nên tính từ lúc tu lên bậc trên đến ngày hôm ấy. Cách thức đang được áp dụng hiện nay là xác định thời gian trong sạch tính từ ngày tu lên bậc trên, rồi thực hành *suddhantaparivāsa* cho thời gian còn lại. Lời giải thích này phù hợp với ý nghĩa của từ *suddhanta* = *suddha* + *anta* = thời điểm cuối khi được trong sạch (ND).

“Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Tôi không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Bạch các ngài, tôi thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khuru này tên [như vậy], đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy đến Tỳ-khuru tên [như vậy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khuru này tên [như vậy], đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy đến Tỳ-khuru tên [như vậy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy đến Tỳ-khuru tên [như vậy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy đến Tỳ-khuru tên [như vậy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

4. Và này các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho như vậy, hình phạt *Parivāsa* nên được ban cho như vậy.

5. Và này các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho thế nào?

Vị không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu] thì hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đê[m] [đã giáu], nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đê[m] [đã giáu], không nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đê[m] [đã giáu] thì hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết một phần số lượng của các tội, một phần không biết, không biết số lượng của các đê[m], nhớ một phần số lượng của các tội, một phần không nhớ, không nhớ số lượng của các đê[m], có nghi ngờ về một phần số lượng của các tội, một phần không nghi ngờ, có nghi ngờ về số lượng của các đê[m] thì hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị không biết số lượng của các tội, biết một phần số lượng của các đê[m], một phần không biết, không nhớ số lượng của các tội, nhớ một phần số lượng của các đê[m], một phần không nhớ, có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đê[m], một phần không nghi ngờ thì hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết số lượng của các tội, biết một phần số lượng của các đê[m], một phần không biết, nhớ số lượng của các tội, nhớ một phần số lượng của các đê[m], một phần không nhớ, không nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đê[m], một phần không nghi ngờ thì hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết một phần số lượng của các tội, một phần không biết, biết một phần số lượng của các đê[m], một phần không biết, nhớ một phần số lượng của các tội, một phần không nhớ, nhớ một phần số lượng của các đê[m], một phần không nhớ, có nghi ngờ về một phần số lượng của các tội, một phần không nghi ngờ, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đê[m], một phần không nghi ngờ thì hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Này các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho như thế.

6. Và này các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* nên được ban cho thế nào?

Vị biết số lượng của các tội, biết số lượng của các đê[m] [đã giáu], nhớ số lượng của các tội, nhớ số lượng của các đê[m] [đã giáu], không nghi ngờ về số lượng của các tội, không nghi ngờ về số lượng của các đê[m] [đã giáu] thì hình phạt *Parivāsa* nên được ban cho.

Vị không biết số lượng của các tội, biết số lượng của các đê[m] [đã giáu], không nhớ số lượng của các tội, nhớ số lượng của các đê[m] [đã giáu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, không nghi ngờ về số lượng của các đê[m] [đã giáu] thì hình phạt *Parivāsa* nên được ban cho.

Vị biết một phần số lượng của các tội, một phần không biết, biết số lượng của các đê[m] [đã giáu], nhớ một phần số lượng của các tội, một phần không nhớ, nhớ số lượng của các đê[m] [đã giáu], có nghi ngờ về một phần số lượng của các

tội, một phần không nghi ngờ, không nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giầu] thì hình phạt *Parivāsa* nên được ban cho.

Này các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* nên được ban cho như thế.

Dứt hình phạt *Parivāsa*.

--ooOoo--

3. BỐN MƯƠI TRƯỜNG HỢP HÀNH *PARIVĀSA*

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đang hành *Parivāsa* đã hoàn tục. Vị ấy đã trở lại và thỉnh cầu sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

1. – Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa* lại hoàn tục. Này các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *Parivāsa* là đã được hành *Parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *Parivāsa* phần còn lại.

2. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa* lại xuống Sa-di. Này các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị Sa-di. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *Parivāsa* là đã được hành *Parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *Parivāsa* phần còn lại.

3. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa* lại bị điên. Này các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị bị điên. Nhưng nếu vị ấy hết bị điên, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *Parivāsa* là đã được hành *Parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *Parivāsa* phần còn lại.

4. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa* bị loạn trí. Này các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị bị loạn trí. Nhưng nếu vị ấy hết bị loạn trí, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *Parivāsa* là đã được hành *Parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *Parivāsa* phần còn lại.

5. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa* bị thọ khổ hành hạ. Này các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị bị thọ khổ hành hạ. Nhưng nếu vị ấy hết bị thọ khổ hành hạ, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. ...(nt).

6. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa* lại bị án treo về việc không nhìn nhận tội. Nay các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. ...(nt).

7. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa* lại bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. Nay các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. ...(nt).

8. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa* lại bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các Tỳ-khuru, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *Parivāsa* là đã được hành *Parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *Parivāsa* phần còn lại.

9-16. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru là vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu lại hoàn tục. Nay các Tỳ-khuru, việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru là vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu lại xuống Sa-di. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(nt)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các Tỳ-khuru, việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

17-24. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru xứng đáng hình phạt *Mānatta* lại hoàn tục. Nay các Tỳ-khuru, hình phạt *Mānatta* không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến vị ấy. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru xứng đáng hình phạt *Mānatta* lại xuống Sa-di. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(nt)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các Tỳ-khuru, hình phạt

Mānatta không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến vị ấy.

25. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang thực hành hình phạt *Mānatta* lại hoàn tục. Nay các Tỳ-khuru, việc thực hành hình phạt *Mānatta* không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần hình phạt *Mānatta* nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Nên thực hành phần còn lại.

26-32. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang thực hành hình phạt *Mānatta* lại xuống Sa-di. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(nt)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các Tỳ-khuru, việc thực hành hình phạt *Mānatta* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần hình phạt *Mānatta* nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Nên thực hành phần còn lại.

33. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru xứng đáng sự giải tội lại hoàn tục. Nay các Tỳ-khuru, sự giải tội không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Vị Tỳ-khuru ấy nên được giải tội.

34-40. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru xứng đáng sự giải tội lại xuống Sa-di. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(nt)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các Tỳ-khuru, sự giải tội không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình

phạt *Mānatta* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Vị Tỳ-khuru ấy nên được giải tội.

Bốn mươi trường hợp hành *Parivāsa* được đầy đủ.

--ooOoo--

4. BA MƯƠI SÁU TRƯỜNG HỢP HÀNH *PARIVĀSA*

1. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

2. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

3. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

4-9. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

10-36. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru xứng đáng hình phạt *Mānatta* ...(nt)... đang thực hành hình phạt *Mānatta* ...(nt)... xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn

lượng, có che giấu và không che giấu. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

Ba mươi sáu trường hợp được đầy đủ.

--ooOoo--

5. MỘT TRĂM TRƯỜNG HỢP *MĀNATTA*

1. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Nay các Tỳ-khuru, hình phạt *Mānatta* nên được ban cho vị Tỳ-khuru ấy.

2. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế về sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

3. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

4. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

5. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này cũng không giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

6. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã

được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

7. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

8. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

9. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

10. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

11. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy

sau này nhận biết và không giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

12. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

13. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

14. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

15. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

16. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu

giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

17. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

18. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

19. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

20. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho

hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

21-40. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru sau khi phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi xuống Sa-di. [Nên được giải thích chi tiết như phần trên] ...(nt).

41-60. ...(nt)... bị điên. ...(nt).

61-80. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt).

81-100. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt)... Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. ...(nt)... Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. ...(nt)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. ...(nt)... Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội vị ấy có nghi ngờ vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Nay các Tỳ-khuru, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

Dứt một trăm trường hợp *Mānatta*.

--ooOoo--

6. BỐN TRĂM TRƯỜNG HỢP ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU

1. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

2. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

3. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

4. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

5. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

6. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

7. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

8. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không được che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào

trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

9. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

10. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

11. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

12. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã

không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

13. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

14. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

15. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

16. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

17. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

18. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

19. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

20. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

21-40. Đây các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru đang hành *Parivāsa*, dấu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi xuống Sa-di. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới].

41-60. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới].

61-80. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới].

81-100. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới] Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. ...(nt)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. ...(nt)... Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ thì vị ấy giấu giếm, các tội nào vị ấy có nghi ngờ thì vị ấy không giấu giếm. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

101-200. Đây các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru xứng đáng hình phạt *Mānatta* ...(nt)... [dấu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục] ...(nt).

201-300. Đây các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru là vị đang thực hành hình phạt *Mānatta* ...(nt)... [dấu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục] ...(nt).

301-400. Đây các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru xứng đáng sự giải tội, dấu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt)... [Vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, vị thực hành *Mānatta*, và vị xứng đáng giải tội nên được giải thích chi tiết như vị hành *Parivāsa*]. Đây các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru xứng đáng sự giải tội, dấu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi xuống Sa-di. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. Các tội của vị ấy có che

giấu và không che giấu. ...(nt)... Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. ...(nt)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. ...(nt)... Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy.

Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị Tỳ-khuru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

Dứt bốn trăm trường hợp đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

--ooOoo--

7. TÁM TRƯỜNG HỢP CÓ HẠN LƯỢNG V.V...

1. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

2. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* không hạn lượng, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

3. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* cùng một tội danh, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

4. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* khác tội danh, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

5. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* cùng nhóm phân loại, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

6. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* khác nhóm phân loại, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

7. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* riêng biệt, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

8. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có liên quan,² không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

[Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]

Dứt tám trường hợp có hạn lượng, v.v...

--ooOoo--

8. MƯỜI MỘT TRƯỜNG HỢP VỀ HAI VỊ TỖ-KHUU

1. Hai vị Tỳ-khuru phạm tội *Saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội *Saṅghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkata* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

2. Hai vị Tỳ-khuru phạm tội *Saṅghādisesa*. Hai vị có nghi ngờ là tội *Saṅghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkata* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

3. Hai vị Tỳ-khuru phạm tội *Saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội *Saṅghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkata* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

4. Hai vị Tỳ-khuru phạm tội lẫn lộn. Hai vị có quan điểm là tội *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội lẫn lộn. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkata* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

5. Hai vị Tỳ-khuru phạm tội lẫn lộn. Hai vị có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội lẫn lộn. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkata* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

² Trong số 13 tội *Saṅghādisesa*, các tội 1, 5, 12, 13 là *vavatthitā* (riêng biệt), các nhóm tội (2, 3, 4), (6, 7, 8), (9, 10, 11) là *sambhinnā* (có liên quan). Về hai từ *sabhāgā* (cùng nhóm phân loại) và *visabhāgā* (khác nhóm phân loại) chỉ khác cách nói còn ý nghĩa thì tương tự (*VinA*. VI. 1191).

6. Hai vị Tỳ-khuru phạm tội nhẹ.³ Hai vị có quan điểm là *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội nhẹ. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkata*. Cả hai vị nên được hành xử theo pháp.

7. Hai vị Tỳ-khuru phạm tội nhẹ. Hai vị có quan điểm là tội nhẹ trên cơ sở tội nhẹ. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkata*. Cả hai vị nên được hành xử theo pháp.

8. Hai vị Tỳ-khuru phạm tội *Saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội *Saṅghādisesa*. Một vị [nghĩ rằng]: “Ta sẽ khai báo”; vị kia [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không khai báo.” Vị ấy giấu giếm ở canh thứ nhất, giấu giếm ở canh thứ nhì, giấu giếm ở canh thứ ba, khi hừng đông đã lộ dạng thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkata* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

9. Hai vị Tỳ-khuru phạm tội *Saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội *Saṅghādisesa*. Hai vị ra đi [nghĩ rằng]: “Chúng ta sẽ khai báo.” Trên đường đi, pháp giả dối sanh khởi ở một vị [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không khai báo.” Vị ấy giấu giếm ở canh thứ nhất, giấu giếm ở canh thứ nhì, giấu giếm ở canh thứ ba, khi hừng đông đã lộ dạng thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkata* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

10. Hai vị Tỳ-khuru phạm tội *Saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội *Saṅghādisesa*. Hai vị bị điên. Về sau, khi hai vị hết bị điên, một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkata* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

11. Hai vị Tỳ-khuru phạm tội *Saṅghādisesa*. Khi Giới bồn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng, hai vị phát biểu như vậy: “Cho đến hôm nay, chúng tôi mới biết được rằng: Nghe nói pháp này cũng được truyền lại trong Giới bồn, được chứa đựng trong Giới bồn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng.” Hai vị có quan điểm là tội *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội *Saṅghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkata* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

Dứt mười một trường hợp về hai vị Tỳ-khuru.

--ooOoo--

³ Chú giải giải thích rằng, sau tội *Saṅghādisesa* là nhóm các tội nhẹ (*VinA*. VI. 1191).

9. CHÍN TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU

1. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sai Pháp, rồi giải tội sai Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

2. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sai Pháp và giải tội sai Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

3. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sai Pháp và giải tội sai Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

4-7. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sai Pháp và giải tội sai Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

8. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội.

Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sai Pháp và giải tội sai Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

9. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sai Pháp và giải tội sai Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

**Dứt chín trường hợp không được trong sạch
trong việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu.**

10. CHÍN TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU

1-3. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt)... Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

4-6. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

7-9. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta*

đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

**Dứt chín trường hợp được trong sạch
trong việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu.**

--ooOoo--

11. CHÍN TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC TRONG SẠCH THỨ NHÌ TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU

1. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: “Ta đang hành *Parivāsa*”, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu.

Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy [suy nghĩ] như sau: “Ta đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *Parivāsa*’, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu.

Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp?”

Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dầu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dầu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dầu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dầu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

2-3. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dầu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dầu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: “Ta đang hành *Parivāsa*”, dầu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu.

Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dầu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội, dầu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy [nghĩ] như sau: “Ta đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng ...(nt)..., riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dầu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dầu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *Parivāsa*’, dầu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội, dầu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dầu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dầu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dầu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp?”

Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dầu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dầu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dầu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dầu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

4-6. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dầu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dầu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: “Ta đang hành *Parivāsa*”, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

7. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dầu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dầu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vị ấy, trong khi biết rằng: “Ta đang hành *Parivāsa*”, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

8. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dầu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không

hạn lượng, có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dầu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: “Ta đang hành *Parivāsa*”, dầu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu.

Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dầu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dầu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy [suy nghĩ] như sau: “Ta đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dầu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dầu còn dở dang. Hội chúng đã đưa ta đây, dầu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *Parivāsa*’, dầu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội, dầu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dầu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dầu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dầu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp?”

Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dầu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dầu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dầu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dầu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

9. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dầu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu

hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: “Ta đang hành *Parivāsa*”, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu.

Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy [suy nghĩ] như sau: “Ta đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *Parivāsa*’, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp?”

Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

**Dứt chín trường hợp không được trong sạch thứ nhì
trong việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu.**

Chương “Tích lũy tội” là thứ ba.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Bậc Hiền Sĩ đã thuyết về tội không che giấu, [che giấu] một ngày, hai ngày, ba ngày và bốn ngày, năm ngày, nửa tháng, mười ngày và [hình phạt *Parivāsa*] từ mốc trong sạch.

2. Trong khi hoàn tục, về tám trường hợp có hạn lượng, hai vị Tỳ-khưu, tại nơi ấy có sự suy nghĩ, cả hai nghi ngờ, có quan điểm là tội lẫn lộn, có quan điểm là tội nặng trên cơ sở tội lẫn lộn.

3. Có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội lẫn lộn, có quan điểm là tội nặng trên cơ sở tội nhẹ, có quan điểm là trong sạch và vị giấu giếm, rồi với vị ra đi.

4. Vị bị điên và việc trình báo, về lại [hình phạt] ban đầu, vị trong sạch trở lại. Các lời dạy vì sự tồn tại của Chánh pháp là của các Giáo thọ sư nhóm Vibhajja, cư trú tại Mahāvihāra, những vị làm rạng ngời đảo Tambapaṇṇi.

Dứt chương “Tích lũy tội.”

--ooOoo--

